

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

*V/v: L hôn, tranh chấp về nuôi con, chia
tài sản khi L hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Quang Thanh

- Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư
ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa tham gia
phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày
11/3/2023 về “L hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi L hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn Suối
Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL, Khánh Hòa. Có mặt

- Bị đơn: Ông Võ Đình V, sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn Suối Cát, xã Cam
Hiệp Nam, huyện CL, Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Nguyễn Thị Mai L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã Cam Hiệp Nam, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy
chứng nhận kết hôn số 12, quyển số I/2007, ngày 25/4/2007. Vợ chồng chung
sống với nhau đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi
vã. Nguyên nhân ông V không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, về
nhà kiếm chuyện, chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà L nhiều lần. Bà L có báo với
chính quyền địa phương nhưng địa phương chỉ hòa giải. Hai bên không còn quan
tâm nhau, cũng không thể hàn gắn được và sống L thân từ tháng 3/2022. Bà L
không còn tình cảm đối với ông V nên đề nghị Tòa án giải quyết L hôn.

- Về con chung: Bà L và ông V có hai con chung là Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2008 và Võ Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 24/01/2014. Sau khi L hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T, Đ và không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản khi L hôn, nợ: Tại đơn khởi kiện, bà L có yêu cầu chia tài sản chung khi L hôn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 640114 do UBND huyện CL cấp ngày 18/11/2016; yêu cầu giải quyết nợ chung là số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0715/2020/HĐ-TD ngày 12/6/2020 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CL và ông Võ Đình V. Tuy nhiên, bà L đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi L hôn và nợ. Nay bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Đình V không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 20/10/2022 tại Công an xã Cam Hiệp Nam, ông Võ Đình V có đăng ký thường trú tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa và sinh sống, có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CL tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật đối với ông Võ Đình V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai L về L hôn, tranh chấp nuôi con; đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia tài sản khi L hôn, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: L hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi L hôn giữa bà Nguyễn Thị Mai L và ông Võ Đình V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Đình V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 22/02/2023 và ngày 16/3/2023, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mai L có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản khi L hôn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 640114 do UBND huyện CL cấp ngày 18/11/2016; về nợ chung là số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0715/2020/HĐ-TD ngày 12/6/2020 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CL và ông Võ Đình V. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu L hôn: bà L và bà V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp Nam, thị xã Cam Ranh (nay là huyện CL), tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số I/2007, ngày 25/4/2007; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra kinh cãi, xúc phạm nhau. Ông V và bà L đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, hai bên sống L thân từ năm 2022. Bà L xác định không còn tình cảm đối với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được L hôn với ông V.

[4] Về nuôi con và cấp dưỡng cho con: Bà L và ông V có hai con chung là cháu Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2008 và cháu Võ Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 24/01/2014. Các cháu hiện đang sống với bà L và đều có nguyện vọng được ở với mẹ; vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, đảm bảo sự phát triển lành mạnh, toàn diện, ổn định về người trực tiếp trông nom, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con.

[5] Về chia tài sản khi L hôn và nợ: Đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022, bà L có yêu cầu về chia tài sản chung khi L hôn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 640114 do UBND huyện CL cấp ngày 18/11/2016; yêu cầu về nợ chung là số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0715/2020/HĐ-TD ngày 12/6/2020 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CL và ông Võ Đình V.

Ngày 16/11/2022, bà L có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung khi L hôn và nợ chung, bà L muốn vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, đồng thời bà và ông V cũng hoàn thành trả nợ xong. Theo Thông báo số 166/TB-NHCS ngày 21/11/2022 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện CL thì ông Võ Đình V đã tất toán nợ Hợp đồng tín dụng số 0715/2020/HĐ-TD ngày 12/6/2020. Việc rút đơn yêu cầu của nguyên đơn trước khi Tòa án ban hành Thông báo số 93/TB-TA ngày 24/11/2022 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vì vậy, Tòa án không đưa Phòng giao dịch Ngân

hàng chính sách xã hội huyện CL tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Nay, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông V vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về L hôn.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi L hôn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 640114, số vào sổ cấp GCN: CH00620 do UBND huyện CL cấp ngày 18/11/2016); về nợ chung là số tiền 50.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 0715/2020/HĐ-TD ngày 12/6/2020 ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CL và ông Võ Đình V.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mai L được L hôn với ông Võ Đình V.

3. Về nuôi con và cấp dưỡng cho con: Giao cháu Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2008 và cháu Võ Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 24/01/2014 cho bà Nguyễn Thị Mai L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Mai L không yêu cầu ông Võ Đình V cấp dưỡng cho con.

Sau khi L hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Mai L và ông Võ Đình V được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về L hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009029 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện CL, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về L hôn. Hoàn lại cho bà L số tiền 7.500.000 đồng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã Cam Hiệp Nam;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh